

Số: 1342 /TTr-NHCS

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn ngân sách cấp xã ủy thác
sang Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn để cho vay hộ nghèo
và đối tượng chính sách khác năm 2026**

Kính trình: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thời gian qua, hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác nên hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả. Tính đến ngày 23 tháng 12 năm 2025, tổng nguồn vốn để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh đạt 11.861 tỷ đồng (*tỷ lệ tăng 13,1% so với đầu năm*), trong đó nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương đạt 1.129 tỷ đồng, chiếm 9,5 %/tổng nguồn vốn, tăng 387 tỷ đồng so với đầu năm.

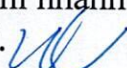
Từ ngày 01 tháng 07 năm 2025, sau khi sáp nhập địa giới hành chính và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, để tín dụng chính sách tiếp tục là trụ cột trong công tác giảm nghèo bền vững và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 29 tháng 9 năm 2025 thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW 30 tháng 10 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới (*Kế hoạch số 05-KH/TU*); theo đó, tại điểm 4.1, Mục II nêu: "*Tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Phấn đấu hằng năm chiếm khoảng 15 - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn và tăng dần tỷ trọng, hướng đến năm 2030 chiếm 15% tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn*". Nhằm đưa kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sớm đi vào cuộc sống, ngày 20 tháng 11 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 89/KH-UBND triển khai thực hiện Kế hoạch số 05-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tại điểm 4, Mục II có nêu: "*a) Tập trung các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và có tính chất ngân sách nhà nước vào Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo nguồn vốn thực hiện tín dụng chính sách xã hội:*

- *Tiếp tục cân đối, ưu tiên bố trí kịp thời nguồn vốn từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã bao gồm: vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, vốn sự nghiệp, nguồn tăng thu tiết kiệm chi, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác...) ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn*

cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Phần đầu hằng năm chiếm khoảng 15 - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn và tăng dần tỷ trọng, hướng đến năm 2030 chiếm 15% tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.”

Đặc biệt, trong những tháng cuối năm 2025, do ảnh hưởng của thiên tai, bão, lũ, trên địa bàn tỉnh bị thiệt hại nặng nề về người và tài sản, các công trình công cộng... để giúp người dân khắc phục thiệt hại sau bão lũ, khôi phục sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm bố trí ngân sách địa phương chuyển ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh số tiền 100 tỷ đồng; cùng với nguồn lực của địa phương, Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương đã bổ sung 308 tỷ đồng để cho vay đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của người dân khắc phục bão lũ.

Với phương châm “đa dạng hóa nguồn lực để thực hiện tín dụng chính sách xã hội”, “Trung ương và địa phương cùng làm”, đồng thời triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Kế hoạch số 05-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 89/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm huy động tối đa nguồn lực để đáp ứng tốt hơn yêu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, thể hiện sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác sau khi sáp nhập địa giới hành chính và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các xã, phường, đặc khu và nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giao chỉ tiêu kế hoạch nguồn ngân sách các xã/phường/đặc khu ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2026 trên cơ sở: (i) Kế hoạch tín dụng giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 do các xã/ phường/đặc khu xây dựng và đã được Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phê duyệt, (ii) hằng năm chiếm khoảng 15 - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn (cụ thể có Phụ lục kèm theo).

Chi nhánh NHCSXH tỉnh kính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, xem xét./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- BDD HĐQT NHCSXH tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc CN;
- Các Phó Giám đốc CN;
- Phòng CMNV NHCSXH tỉnh;
- Các PGD NHCSXH trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Tuấn



PHỤ LỤC
GIÁO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ
UY THÁC SANG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NĂM 2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Xã/ phường/đặc khu	Kế hoạch tối thiểu năm 2026
1	Xã Bình Minh	300
2	Xã Bình Chương	300
3	Xã Bình Sơn	300
4	Xã Vạn Tường	300
5	Xã Đông Sơn	300
6	Xã Ba Gia	300
7	Xã Sơn Tịnh	300
8	Xã Thọ Phong	300
9	Xã Trường Giang	300
10	Xã Nghĩa Hành	300
11	Xã Phước Giang	300
12	Xã Thiện Tín	300
13	Xã Đình Cương	300
14	Xã Nghĩa Giang	300
15	Xã Trà Giang	300
16	Xã Tư Nghĩa	300
17	Xã Vệ Giang	300
18	Xã Long Phụng	300
19	Xã Lân Phong	300
20	Xã Mỏ Cày	300
21	Xã Mộ Đức	300
22	Phường Sa Huỳnh	500
23	Phường Trà Câu	500
24	Phường Đức Phổ	500
25	Xã Khánh Cường	300
26	Xã Nguyễn Nghiêm	300
27	Xã Cà Đam	300
28	Xã Thanh Bông	300
29	Xã Trà Bông	300
30	Xã Tây Trà	300
31	Xã Tây Trà Bông	300
32	Xã Đông Trà Bông	300
33	Xã Sơn Hà	300

STT	Xã/ phường/đặc khu	Kế hoạch tối thiểu năm 2026
34	Xã Sơn Hạ	300
35	Xã Sơn Kỳ	300
36	Xã Sơn Linh	300
37	Xã Sơn Thủy	300
38	Xã Ba Dinh	300
39	Xã Ba Tô	300
40	Xã Ba Tơ	300
41	Xã Ba Vinh	300
42	Xã Ba Vĩ	300
43	Xã Ba Xa	300
44	Xã Ba Động	300
45	Xã Đặng Thuỳ Trâm	300
46	Phường Cẩm Thành	500
47	Phường Nghĩa Lộ	500
48	Phường Trương Quang Trọng	500
49	Xã An Phú	300
50	Xã Tịnh Khê	300
51	Đặc khu Lý Sơn	1.200
52	Xã Minh Long	300
53	Xã Sơn Mai	300
54	Xã Sơn Tây	300
55	Xã Sơn Tây Hạ	300
56	Xã Sơn Tây Thượng	300
57	Phường Kon Tum	500
58	Phường Đắk Bla	500
59	Phường Đắk Cấm	500
60	Xã Ia Chim	300
61	Xã Ngọc Bay	300
62	Xã Đắk Rơ Wa	300
63	Xã Mô Rai	300
64	Xã Rờ Koi	300
65	Xã Sa Bình	300
66	Xã Sa Thầy	300
67	Xã Ya Ly	300
68	Xã Kon Đào	300
69	Xã Ngọc Tụ	300
70	Xã Đắk Tô	300
71	Xã Ngọc Linh	300
72	Xã Xốp	300

STT	Xã/ phường/đặc khu	Kế hoạch tối thiểu năm 2026
73	Xã Đăk Long	300
74	Xã Đăk Môn	300
75	Xã Đăk Plô	300
76	Xã Đăk Pék	300
77	Xã Kon Braih	300
78	Xã Đăk Kôi	300
79	Xã Đăk Rve	300
80	Xã Ngọc Réo	300
81	Xã Đăk Hà	300
82	Xã Đăk Mar	300
83	Xã Đăk Pxi	300
84	Xã Đăk Ui	300
85	Xã Bờ Y	300
86	Xã Dục Nông	300
87	Xã Sa Loong	300
88	Xã Ia Tơi	300
89	Xã Ia Đal	300
90	Xã Măng Ri	300
91	Xã Tu Mơ Rông	300
92	Xã Đăk Sao	300
93	Xã Đăk Tờ Kan	300
94	Xã Kon Plông	300
95	Xã Măng Bút	300
96	Xã Măng Đen	300
Tổng cộng		31.500